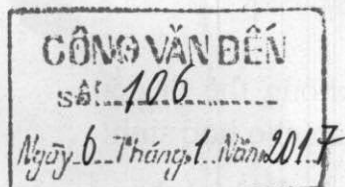


Số: 132/2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 20 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông  
ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lào Cai



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các đối tượng quy định tại Điều 2, Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là Nghị định số 116/2016/NĐ-CP).

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2. Nội dung chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.**

1. Mức hỗ trợ học sinh và các trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn: thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

2. Khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

a) Khoảng cách xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày:

- Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 và Điểm b, Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP;

- Trường hợp đặc biệt khoảng cách nhỏ hơn quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này thì căn cứ theo thông báo của UBND xã sau khi đã báo cáo UBND huyện về khu vực, địa bàn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, sạt lở đất đá, qua sông, qua suối không có cầu... gây mất an toàn cho học sinh đi học.

b) Địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày: là các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn (đối tượng là học sinh mà bản thân học sinh đó và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại thời điểm được hỗ trợ).

c) Mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh:

- Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 150% mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức; nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm;

- Đối với trường tổ chức nấu ăn cho từ 15 đến 29 học sinh thì được tính 01 định mức/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm;

- Đối với trường tổ chức nấu ăn cho dưới 15 học sinh thì được tính 1/2 định mức/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

3. Các xã, thôn đặc biệt khó khăn: thực hiện theo quy định hiện hành và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

### **Điều 3. Lập dự toán, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ.**

Việc lập dự toán thực hiện chính sách hỗ trợ cùng với dự toán thu, chi ngân sách hàng năm và theo phân cấp ngân sách; các cơ sở giáo dục có đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ thực hiện cấp phát, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước; các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước và Mục lục ngân sách hiện hành.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện.**

#### 1. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Phê duyệt danh sách học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đang theo học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc.

b) Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Sở lập dự toán, thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định hiện hành sau khi thống nhất với Sở Tài chính.

c) Hằng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ của các phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường Trung học phổ thông.

d) Chủ trì, cùng với các ngành liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ này tại các cơ sở giáo dục.

#### 2. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Thẩm định, bố trí đảm bảo đủ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ;

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ lập dự toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ cùng với việc lập dự toán và quyết toán kinh phí hàng năm theo quy định hiện hành; Thực hiện kiểm tra việc chi trả các nội dung hỗ trợ tại các cơ sở giáo dục được thụ hưởng chính sách.

#### 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Phê duyệt danh sách học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đang theo học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Kế hoạch và Tài chính:

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc xét duyệt đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ, lập dự toán, thanh, quyết toán và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định hiện hành.

- Kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại các cơ sở giáo dục trực thuộc.

c) Xác định khoảng cách mà học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày đối với trường hợp đặc biệt tại khu vực, địa bàn do thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, sạt lở đất đá, qua sông, qua suối không có cầu... gây mất an toàn cho học sinh đi học theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Hằng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ của các cơ sở giáo dục theo phân cấp quản lý.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Xác nhận đối tượng đủ điều kiện được hưởng chính sách theo đề nghị của cơ sở giáo dục.

b) Kịp thời thông báo cho nhà trường khi có sự thay đổi về điều kiện, hoàn cảnh của cha mẹ học sinh đang là đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1 và Khoản 2, Điều 2, Quyết định này, để kịp thời trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh tăng hoặc giảm số lượng học sinh được hưởng chính sách này, đảm bảo chi đúng, chi đủ chính sách cho học sinh.

c) Thông báo cho nhà trường, học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về khoảng cách xác định khu vực, địa bàn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày đối với trường hợp đặc biệt do thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, sạt lở đất đá, qua sông, qua suối không có cầu... gây mất an toàn cho học sinh đi học.

5. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục có đối tượng được hưởng chính sách:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cha, mẹ và học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ nộp hồ sơ.

b) Tổng hợp danh sách học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ (sau khi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học sinh và cha mẹ học sinh cư trú) gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo đối với các trường Tiểu học và Trung học cơ sở; gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các trường Trung học phổ thông.

c) Thực hiện định mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

**Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;

P. Hồ gia  
- T. HĐND; UBND huyện;  
- Phòng TC-CH) LĐ & DT, NQT và;  
LĐTB & NH;  
- UBND các xã;  
- VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Xuân Phong**